

Le problème de la souffrance physique et le peuple d'Annam ⁽¹⁾

Vấn-đề đau ốm trong dân-gian ta ⁽²⁾

Au moment où, de toutes parts, l'on s'occupe d'intensifier la valeur humaine par la culture physique et l'hygiène vulgarisée, faisons un examen de conscience et demandons-nous si nous avons fait tout ce qu'il nous était possible pour qu'aucun aspect du problème de la souffrance physique ne soit encore négligé chez nous. Certes, je n'ignore ni les bienfaits de l'Assistance ni les services qu'ont rendus à la jeunesse annamite les différentes sociétés de sports déjà existantes dans le pays ; je pourrais même dire : autant que quiconque, j'ai su mesurer toute la grande portée de ces fruits de la civilisation moderne. Mais, l'Assistance est une œuvre publique dont la bonne volonté dépend des fluctuations des budgets ; quant aux sociétés de sports, elles resteront longtemps encore un avantage de luxe pour nos grandes villes. Or, chez nous, comme partout ailleurs, en dehors des œuvres publiques, il peut y avoir l'initiative privée ; à côté des villes et plus importante qu'elles, il y a la campagne. Avouons que, personnellement, nous n'avons rien fait encore pour nos chers paysans.

Giữa lúc đâu đâu người ta cũng chăm-chỉ đề tăng-gia cái giá-trị của giống người bằng phép thể-thao và bằng vệ-sinh-học, bọn ta thử hỏi-tâm tự nghĩ và thử hỏi mình đã từng hết sức làm cho giải-quyết được hết cái vấn-đề đau-khổ trong dân-gian ta chưa. Phải, tôi không phải là không biết rằng ở nước ta hiện nay đã có cuộc Y-tế của Chính-phủ cứu-dân cũng được nhiều, lại có các hội Thể-thao giúp cho bọn thanh-niên cũng được lắm ; tôi lại dám thiết-tưởng rằng cũng ít người có cái tr-cách như tôi mà hiểu được rõ những cái kết-quả hay của văn-minh đời nay đó. Nhưng mà cuộc Y-tế là một cuộc công của Chính-phủ, được việc ít hay được việc nhiều cũng là do cái số tiền trong công-quĩ khi nhiều khi ít vậy ; còn các hội Thể-thao thì còn lâu nữa cũng chỉ là sự lợi-ích riêng cho hạng người giàu-có ở các nơi thành-thị lớn mà thôi. Nay ở nước ta cũng như ở các nước khác, ngoài những công-cuộc chung, có thể xướng ra công-cuộc riêng ; ngoài những nơi thành-thị còn có chốn nhà quê, mà nhà quê lại còn quan-trọng hơn thành-thị. Ta phải thú thật rằng về phần riêng ta, ta chưa làm được tí gì cho kẻ đồng-bào ở chốn thôn-ô.

(1) Nous nous associons pleinement à l'appel adressé par notre collaborateur, M. le médecin TRẦN-DINH-NAM, à ses collègues de l'Assistance médicale en vue de la fondation d'une feuille d'hygiène vulgarisée. M. TRẦN, dont nos lecteurs se rappellent encore la remarquable étude sur la Médecine sino-annamite publiée dans un de nos précédents numéros, est on ne peut plus qualifié pour se préoccuper du problème de la souffrance physique dans notre pays et lancer cet appel qui ne manquera pas d'être entendu, car les hommes d'initiative et de bonne volonté ne manquent pas dans notre valeureux corps de médecins indigènes. — N. D. L. R.

(2) Ông Y-sĩ Trần Đình-Nam, trong một kỳ báo trước, đã có một bài khảo-cứu về Y-học của Tàu và của ta, các bạn đọc báo chắc còn nhớ cả. Nay ông cử-động về vấn-đề cứu-bệnh trong dân-gian ta, thật là đủ tr-cách nói có giá-trị, bản-chí hết sức biểu-đồng-tinh. Bản-chí mong rằng lời ông xướng lên đó — xướng lập một tờ báo để truyền-bá vệ-sinh-học cho các dân nhà quê, — sẽ có nhiều người hưởng-ứng, nhất là trong bọn các ông thầy thuốc thuộc về ngạch Y tế ta, không thiếu gì người có trí phấn-phát và có bụng công-lâm.

Et cependant... si nous voulons bien préparer l'avenir de notre Pays sur une échelle vaste et durable, ce n'est pas exclusivement entre les quatre murs des agglomérations le plus souvent saturées de distractions oiseuses que le rendement de nos efforts concentrés pourra porter loin. La ville, en effet, offre toujours ce caractère d'un milieu où la formation intellectuelle et morale d'un homme coudoie de trop près les nécessités positives et les raffinements malsains de la vie moderne, tandis que les enfants de la campagne, élevés au sein de l'innocence et de la pureté, acquièrent plus facilement cette fraîcheur d'âme nécessaire à tout travail sérieux et continu. La plupart des grands cerveaux de la science sont sortis du peuple : Louis Pasteur, pour ne citer qu'un exemple, fut un fils de paysans. Je ne veux pas dire par là que tous les enfants des villes étaient incapables ou seront incapables ; je voudrais tout simplement exprimer cette conviction que la campagne reste pour nous comme pour les autres peuples le réservoir des intelligences émergées au-dessus de la masse des valeurs moyennes. Mais, tournons-nous vers notre campagne, vers cette campagne qui doit réserver à notre avenir tant de belles promesses, et regardons.

Quand il est donné à quelqu'un de parcourir des villages annamites et de se pencher vers la misère et la souffrance des pauvres paysans, on est immédiatement frappé du manque total des conditions hygiéniques nécessaires au développement d'une existence normale. Le paludisme sous toutes ses formes et la malpropreté avec toutes ses conséquences se trouvent partout, chez les miséreux aussi bien que dans les familles aisées. Arrêtons-nous devant une de ces cabanes et observons la petite vie qui s'y passe : des enfants complètement nus jouent devant la porte en se barbouillant avec de la terre,

Mà ta thử nghĩ xem... nếu muốn mưu-linh sự tương-lai nước nhà cho được to-tát lâu bền, thời không phải chỉ khu-khu trong bốn bức tường những nơi thành-thị thường đã yếm-ú những cách chơi-bời vô-vị, mà có thể gia công gắng sức làm được những công-việc ích-lợi xa. Thật thế, chốn thành-thị là chỗ cạnh-tranh và là chỗ phồn-hoa, không lợi cho sự dưỡng-dục tinh-thần trí-thức người ta ; đến như trẻ con nhà quê thời sinh-trưởng ở nơi thật-thà chất - phác, nó dễ có cái tâm-thần sảng-khoái có thể làm được những việc chuyên-cần. Các bậc đại-trí trong khoa-học là phần nhiều ở chỗ dân-gian mà ra cả ; không nói người khác, chỉ nói một ông PASTEUR, chính ông là dòng-dõi quê-mùa. Tôi nói thế không phải là nói rằng bao nhiêu con trẻ thành-thị là không làm được gì và không bao giờ làm được gì đâu. Tôi chỉ muốn biểu cái ý-kiến rằng nơi nhà quê ở nước ta cũng như ở các nước khác tức là cái kho những nhân-tài nổi lên trên bậc công-chúng vậy. Nhưng ta hãy quay về miền nhà quê ta, — quay về cái miền nhà quê kia là chỗ chứa những hoa quả tốt đẹp cho nước ta sau này, — và thử nhìn xem.

Ai đã có dịp đi qua các làng An-Nam, đoái trông cái cảnh khổ đau ốm của dân nhà quê, thời thấy ngay rằng họ tuyệt-nhiên không có một chút vệ-sinh cần cho sự sinh - hoạt thường. Đâu đâu cũng thấy bệnh sốt dù hình-trạng, đâu đâu cũng thấy sự bần-thiểu sinh ra đủ mọi chứng, tự kể khốn-cùng cho đến nhà dư-dụ. Thử đứng chân trước cái túp kia, mà xét cái cách sinh - hoạt bần-tiện của những người ở trong ấy thế nào : lũ trẻ trần-trồng chơi trước cửa, mình-mây lấm-láp những đất, người mẹ thời sốt rét run cầm-cấp, nằm rên trong xó nhà. Cả nhà có một cái giường, đứa con gái lớn

tandis que la mère, grelottant de fièvre, râle dans un coin. Pendant que la plus grande fille de la famille dispose quelques bols de riz sur l'unique lit de camp de la demeure, le père, un homme dont les yeux enfoncés dans les orbites contrastent étrangement avec un ventre qui fait saillie, s'occupe à réparer des trous sur la toiture en paille. La cabane, toute basse, est à peine protégée contre les méchants coups de vent glacés par des *cái-phên* en bambous tressés. Tout-à-côté, une vache, des porcs pataugent éternellement au milieu de leurs ordures. . . . Portons nos pas plus loin et entrons dans une de ces maisons réputées aisées. Un pareil tableau s'y retrouve à peu près, non pas avec les mêmes notes de misère certes, mais avec autant sinon davantage de marques de maladie et d'insalubrité : des enfants sales, des hommes anémiés, l'odeur infecte des aliments pourris et des vêtements moisissés, des recoins pleins d'ordures, de moustiques, des chambres étroites, des portes et fenêtres hermétiquement fermées, tout cela fait un pêle-mêle qui rend asphyxiante l'atmosphère de l'habitation.

En présence d'un tel spectacle, il est à se demander si l'espérance que nous plaçons dans les futures générations issues de ce milieu n'est pas trop chimérique, car, « mens sana in corpore sano », l'effort intellectuel qui les attend leur demandera aussi une constitution physique normale et nul ne conteste qu'aucun développement physiologique normal n'est compatible avec une ambiance si antihygiénique. Il est donc du devoir de ceux qui s'intéressent à la destinée du Pays de songer dès à présent à préparer en faveur de nos paysans un mouvement de rénovation pour remédier d'urgence à leurs conditions de vie physique. L'exemple que vient de donner la Société *Khai-tri-tiến-đức* au Tonkin mérite d'être noté

dont com dặt mấy cái bát trên giường; người cha thời mắt lờm vào, bụng phình ra, đương lợp những chỗ hồng trên mái tranh. Cái túp thấp lè-tè, chỉ có mấy cái phên che gió lạnh độc. Ngay cạnh đấy thời bò lợn lằm-lầy trong đồng gió bần. . . Nay lại đi ra xa ít nữa, vào trong cái nhà kia có tiếng là nhà khá. Cảnh-tượng cũng gần gần như thế, không có cái vẻ khốn-cùng thật, nhưng cũng có cái dấu bệnh-tật bần - thiếu như thế : trẻ con dơ-dáy, người lớn xanh-xao, đồ ăn hôi-hám, quần áo mốc-meo, góc nhà đầy những rác, ruồi muỗi khắp mọi nơi, buồng-chái chật-hẹp, cửa chớp đóng im, trông cái cảnh lang-tạ, vào đến nơi mà ngốt.

Đứng trước cái cảnh-tượng ấy, mà phải tự hỏi cái lòng hi-vọng của ta đối với những bọn con em sinh-trưởng ở trong chỗ này có phải là sự mông-mộng quá không, vì ngàn-ngũ tây đã có câu : « Thân-thể có mạnh-mẽ, tinh-thần mới tráng - kiện được », những bọn đó về sau này phải xuất - lực về đường tinh-thần thời cũng phải có cái thân-thể cho bình-thường mạnh-mẽ, thế mà cảnh sinh-hoạt trái vệ - sinh như thế thì thân-thể còn bình-thường phát-dạt sao được? Vậy thời nghĩa-vụ những kẻ hữu-tâm về vận-mệnh nước nhà là phải ngay từ bây giờ gây ra một cái phong-trào cải - lương để hỗ-cứu cho cách sinh-hoạt của các dân-quê ta. Cái gương của Hội Khai-tri-tiến - đức ở Bắc - kỳ nên chú-ý và

et imité. L'institution des «jardins d'enfants», en effet, est, sans contredit, d'une utilité incontestable et répond bien à un des premiers besoins de l'heure présente, encore que cette œuvre qui continue les avantages de la puériculture demande une organisation très délicate qui n'est pas à la portée de toutes les mentalités. Mais, pour compléter les bienfaits des *Ấu-trĩ-viên*, des sociétés de sports et de l'Assistance, pour que tous, villageois et citadins, enfants et hommes mûrs, riches et pauvres, puissent avoir leur part de participation dans les heureuses applications des sciences médicales, j'estime qu'il n'y a qu'un moyen: c'est l'hygiène vulgarisée.

S'il est vrai que les conditions matérielles et physiques d'un peuple ne progressent qu'en raison directe de la prospérité de sa vie économique, il n'est pas moins vrai que les règles de l'hygiène rudimentaire peuvent être suivies par tous, les pauvres comme les riches. Mais, pour que ces règles soient suivies, il faut qu'on soit convaincu de leur nécessité, et pour être convaincu, il faut connaître et bien. Avec la connaissance du *quốc-ngữ* qui, aujourd'hui, est à peu près universelle chez nous, j'ai la conviction qu'une feuille d'hygiène vulgarisée, mise à très bas prix et tirée à grand renfort pour pouvoir pénétrer partout, sera d'une grande utilité. L'hygiène étant une science très vaste qui touche de très près à presque toutes les autres sciences, il est certain que sa vulgarisation n'est pas très facile vis-à-vis d'un peuple encore ignorant. Ce qui manque à l'heure actuelle à la pensée annamite en matière de sciences est, en effet, le fond. Mais tout en ayant cette idée dans la tête, on n'oubliera pas que, peuple formaliste, nous aimons d'abord un bel extérieur, et que toute question,

nên bắt-chước. Hội ấy xướng-lập ra *Ấu-trĩ-viên* để khuếch-trương cái mục đích dưỡng-dục kẻ anh-nhi, tuy cách tổ-chức phải tinh-tế lắm, không phải ai cũng thấu-hiểu được, song thật là một việc ích-lợi hiển-nhiên và thích-hợp với một sự yếu-cần đê-nhất bây giờ. Nhưng mà muốn giúp công cho *Ấu-trĩ-viên*, giúp công cho các hội Thể-thao và cho cuộc Y-tế, muốn cho hết thầy người nhà quê kẻ chợ, trẻ con người lớn, người giàu người nghèo, ai ai cũng được hưởng những sự kết-quả hay của các khoa y-học, thời tôi thiết-nghĩ chỉ có một cách: là truyền-bá phép vệ-sinh.

Đã hay rằng muốn cho cách sinh-hoạt của một dân được tấn - tới thời sự kinh-tế của dân ấy tất phải thịnh-vượng mới được, nhưng mà những phép vệ - sinh tầm - thường thời dù người giàu hay người nghèo, ai ai cũng có thể theo được. Song muốn cho theo được thời phải hiểu rằng những phép ấy ích-lợi và cần là dường nào, và muốn cho hiểu thời phải biết, và phải biết cho rõ. Ngày nay ở nước ta, hầu hết mọi người đã biết chữ quốc-ngữ cả, tôi dám quyết rằng nếu có một tờ báo phổ-thông về vệ-sinh, bán rất rẻ, in rất nhiều để cho truyền-bá được khắp mọi nơi, thời thật là ích-lợi lắm lắm. Vệ-sinh là một khoa-học rất rộng, có liên-tiếp với hầu-hết các khoa-học khác, chắc là truyền-bá ra cho một dân hầy còn dốt như dân ta, không phải là việc dễ. Sự khiếm-khuyết của tư-tưởng quốc-dân ta ngày nay về đường học-vấn là khuyết ngay ở cái gốc học. Điều đó ta không nên quên, nhưng mà ta cũng phải nhớ rằng dân ta lại là một dân trọng hình-thức, thứ nhất ưa cái bề ngoài đẹp, và phàm vấn-đề gì, nhất là về khoa-học, diễn-thuat ra một cách tro-troi quá như

scientifique surtout, exposée d'une façon trop sèche et trop didactique, risquerait de répugner au goût de ceux à qui elle s'adresse et de se voir délaissée comme conséquence. Avec un style coulant et des phrases courtes, précises et claires, on dira seulement des idées principales et importantes qu'on aura soin d'illustrer par des exemples frappants et amusants et de rendre compréhensibles par de longues explications exposées immédiatement au-dessous. Dans un autre ordre d'idées, pour réagir contre notre tendance traditionnelle à avoir recours trop à la mémoire et pas suffisamment à la réflexion, on habituera le lecteur au goût des explications par des répétitions, des comment et des pourquoi, susceptibles de solliciter l'attention et d'amener l'association des images. En matière de vulgarisation, plaire et convaincre, sont, en somme, deux choses qui doivent aller ensemble.

A tous mes compatriotes de bonne volonté en général, et aux médecins indigènes en particulier, qu'il me soit permis de soumettre un vœu : nous tous qui, plus ou moins, avons vécu à la campagne, plus ou moins avons vu l'état déplorable des conditions de vie physique des paysans, plus ou moins avons, à cause de notre mauvaise santé, essuyé des déboires au cours de nos études affrontées dans les collèges ou dans les écoles techniques, plus ou moins, en un mot, sommes déjà convaincus des bienfaits de l'hygiène, recueillons-nous un instant et méditons. Parmi nous, il y a des médecins qui, en plus de l'expérience donnée par leur passé, possèdent encore l'expérience de leur vie professionnelle quotidienne; et parmi les médecins, il y en a qui ont séjourné en France et ont vu ce que le corps médical a fait pour le peuple de France. C'est à eux et à ces derniers

bài học cho học-trò, thời chính người phải xem không hững xem và bỏ đó không có đề ý đến. Phải dùng lời văn lưu-loát, dùng những câu ngắn, đúng và rõ để diễn-giải ra mấy cái từ-tượng cốt-yếu, lại phải đem những chuyện hiển-nhiên và vui để kể làm thí-dụ, và ngay ở dưới cái nghĩa kỹ cho thật hiểu. Nói về một phương-diện khác, thời người nước ta cổ-lai vẫn hay có tính dụng ký-ức mà không chịu suy-nghĩ, muốn sửa cái tính đó phải tập cho người đọc báo thích những chỗ nói nghĩa-lý, mà thường nói nhắc đi nhắc lại, khởi ra những câu hỏi : « Cái này làm sao ? » « Cái kia thế nào ? » để khiến cho phải chú-ý và nhân việc nọ suy ra việc kia. Về cách truyền-bá cái tri-thức phổ-thông, thời làm cho hiểu với làm cho thích là hai sự phải đi cùng với nhau.

Nay tôi xin kính trình chung cả các bạn đồng-bào hữu-lâm trong nước, và riêng với các bạn làm thầy thuốc trong ngạch Y-tế bản-xứ ta, một điều sở-nguyện như sau này : Bọn ta ai ai cũng đã từng kể nhiều người ít ở qua chốn nhà quê ; ai ai cũng đã từng kể nhiều người ít được trông cái cảnh sinh-hoạt khổn-nạn của dân quê ta ; ai ai cũng đã từng kể nhiều người ít vì sức yếu mà gặp những sự trắc-trở trong khi đi học ở trường trung - học hay trường chuyên-môn ; nói tóm lại, ai ai cũng đã từng kể nhiều người ít hiểu rõ sự lợi-ích của khoa vệ-sinh ; ta thử bình-tâm tĩnh-lự mà ngồi ngẫm-nghĩ xem. Trong bọn ta, có người làm thầy thuốc, ngoài sự từng-trải về trước, lại có sự kinh-nghiệm hằng ngày về nghề mình ; trong bọn thầy thuốc lại có người đã từng ở qua bên Pháp, biết cái đoàn-thể thầy thuốc nước Pháp đã làm cho dân Pháp được những gì.

surtout de prendre l'initiative d'une feuille d'hygiène vulgarisée. Ils auront ainsi cherché à aider la Nation tutrice dans son œuvre civilisatrice; ils auront compris tout leur devoir d'enfants privilégiés.

TRẦN-ĐINH-NAM.

Médecin auxiliaire à Kontum (Annam).

Vậy thời phận-sự các ngài, nhất là các ngài thuộc vào hạng sau đó, là phải chủ-trương lập một tờ báo đề truyền-bá vệ-sinh. Làm như thế là giúp qui-quốc Bảo-hộ trong việc khai-hóa cho dân ta; làm như thế là hiểu cái nghĩa-vụ làm con dân trong nước mà đã được hưởng cái địa-vị hơn kẻ đồng-bào.

L'Orient et l'Occident

Đông-phương với Tây-phương

(Nói về vấn-đề học tiếng)

I

Réception de M. le Professeur
Sylvain Lévi à l'A. F. I. M. A. Al-
locution du Président.

Madame,
Monsieur le Gouverneur Général,
Monsieur le Résident Supérieur,
Monsieur le Professeur,
Messieurs,

« L'Orient est l'Orient, l'Occident est l'Occident, jamais ils ne se rencontreront », a dit le grand écrivain anglais Rudyard Kipling. Cette parole péremptoire, inspirée par je ne sais quel orgueil ou quel impérialisme anglo-saxon, si elle puise dans la force de l'affirmation une apparence de vérité, reçoit de notre réunion d'aujourd'hui un éclatant démenti. Français et Annamites, unis par une réelle sympathie réciproque, dans un même sentiment d'admiration, y sont venus sans arrière-pensée s'honorer d'accueillir en commun le savant qui a le plus étudié et pénétré les mystères de l'antique Orient, qui, bien plus, par ses recherches et ses

Bài diễn-từ của Hội-trưởng Hội
Khai-trí bữa nghênh-tiếp quan
Giáo Sylvain Lévi (1)

Thưa qui Phu-nhân (2),
Trình quan Toàn-quyền,
Trình quan Thống-sứ,
Thưa Tiên-sinh,
Thưa các Ngài,

Ông Danh-sĩ nước Anh RUDYARD KIP-
LING có nói một câu rằng : « Đông-
phương là Đông-phương, Tây-phương
là Tây-phương, không bao giờ gặp
nhau được ». Lời nói quả - quyết ấy,
không biết bởi cái lòng tự-cao tự đại
hay là cái chủ-nghĩa đế - quốc gì của
người *Anglo-Saxons* mà phát-khởi ra,
nói mạnh - bạo như thế, mới nghe
trởng là lời nói đich-đáng lắm, mà
buổi họp hôm nay đây đủ chứng rõ là
lời nói sai vậy. Người Tây, người Nam,
cùng nhau một lòng yêu-mến, không
có chút tư-tinh tư-ý gì, cùng họp lại
đây để tỏ lòng cảm - phục và hoan-
nghênh một nhà bác-học đã có công
nghiên-cứu những sự huyền-bi của Cồ-

(1) Bài này đã in quốc-ngữ trong tập Kỷ-yếu Hội Khai-tri (N. P. số 66).

(2) Là LÉVI phu-nhân.

découvertes, a le plus contribué à restituer en quelque sorte à la vieille Asie ses anciens titres de noblesse, qu'à travers les vicissitudes de son histoire, elle avait quelque peu délaissés.

Monsieur le Professeur, vos travaux et votre renommée ont franchi les mers et sont connus jusque chez nous. Nous savons ce que vous doivent les études indiennes et avec quelle sagacité érudite, quelle intuition géniale vous avez révélé au monde émerveillé les mystères troublants des littératures et des philosophies de ce fameux pays du *Thiên-trúc*, qui représentait pour nos pères la terre enchantée du paradis bouddhique.

Au milieu de la trépidation du monde moderne, vous êtes donc l'un des rares esprits ayant le plus vécu dans l'intimité du passé des vieilles sociétés d'Orient.

Dans ce vaste mouvement qui entraîne l'humanité entière vers des destinées inconnues, ces vieilles sociétés elles-mêmes qu'on croyait figées dans des cadres immuables, ont évolué, et cette évolution se fait avec une rapidité de plus en plus grande, pour ainsi dire, sous nos propres yeux. Notre société annamite, dans sa petite sphère, n'a pas manqué de suivre le mouvement. Contrairement à l'affirmation de l'écrivain anglais, l'Orient et l'Occident se sont rencontrés sur cette vieille terre d'Annam et de cette rencontre résulteront les conséquences les plus importantes pour l'avenir de notre race. Quelles seront ces conséquences? Si l'avenir dépend du présent et si le présent lui-même est fonction du passé, ceux qui ont le plus étudié l'évolution des peuples dans le passé sont aussi les plus qualifiés pour nous donner des

Đông-phương, không những thế, lại tìm-tòi phát-minh được nhiều sự lạ, khác nào như khôi-phục lại cho đất Á-châu cũ này những cái văn-vẻ cao-thượng đời xưa mà chính người Á-châu đã kinh - qua lắm cuộc tang-thương mà tự mình quên nhãng đi vậy.

Thưa Tiên-sinh, sự-nghiệp thanh-danh ngài đã vượt trùng-dương mà tới tận nước chúng tôi. Chúng tôi biết ngài đã có công to về Ấn-độ-học, ngài đã đem hết cái trí sáng-suốt, cái tài thông-hiểu mà khám-phá cho thế-giới biết những sự huyền-bí ly-kỳ của văn-chương triết-học đất Thiên-trúc, các tổ-tiên chúng tôi ngày xưa cho đấy là chốn Tây-thiên lạc-thổ vậy.

Trong cái thế-giới náo-nhiệt ngày nay, ngài là một người lỗi-lạc đã đặt mình sinh-trưởng trong cái lịch-sử sâu-xa của các xã-hội Cổ Đông-phương.

Giữa cái phong-trào lớn nó cuốn cả nhân-loại đến những nơi bờ bến đầu đầu, các xã-hội kia trước vẫn tưởng rằng y - nhiên không thay-đổi được nữa, ngày nay cũng biến - hóa rồi, và sự biến - hóa ấy mỗi ngày một mau, như mắt trông thấy vậy. Xã-hội Việt-Nam chúng tôi, tuy nhỏ-hẹp mà cũng phải theo phong - trào. Trái với lời quả-quyết của nhà văn-sĩ nước Anh kia, Đông-phương với Tây-phương đã gặp nhau trên đất Việt-Nam cũ này và sự gặp nhau ấy sẽ có nhiều cái kết-quả quan-trọng cho tương - lai giống-nòi chúng tôi. Kết-quả ấy sẽ thế nào? Nếu tương-lai là do ở hiện-tại, và hiện-tại cũng là do ở quá - khứ mà ra, thì những người đã nghiên-cứu về sự tiến hóa của các dân-tộc đời xưa, tất là có đủ tư-cách mà chỉ bảo cho ta biết các

lumières sur les conditions possibles de leur transformation dans le présent et dans l'avenir.

Le problème capital pour notre société, à l'heure actuelle, c'est celui de son adaptation à la vie moderne. Et l'adaptation spirituelle à ce qui fait l'essence de la culture et de la civilisation est ici bien plus importante que la simple adaptation matérielle aux procédés et aux techniques. Si celle-ci est en effet relativement facile parce qu'elle ne relève que du processus ordinaire de l'imitation, la première exige par contre la compréhension et le respect de principes essentiels d'ordre général, qu'on a trop souvent tendance à perdre de vue dans la pratique. Mais qui dit adaptation dit nécessairement éducation. Si le but suprême de toute éducation est de réaliser l'unité de la personne humaine, son plein développement en parfait accord avec le milieu social et historique, quelle doit être l'éducation française donnée aux jeunes Annamites? Convient-il qu'elle se propose pour objectif de les dénationaliser rapidement, ou au contraire qu'elle leur permette de rester en contact avec les idées et les sentiments qui ont formé dans le passé l'originalité de leur race? Cette question préoccupe les classes instruites annamites; elle se pose à l'occasion des diverses méthodes qui sont en discussion pour l'organisation de l'enseignement primaire dans ce pays et plus particulièrement de la généralisation de la langue française comme véhicule unique de cet enseignement.

Dans cette Association qui se propose de travailler à la formation intellectuelle et morale des Annamites, ce problème capital de notre éducation est un de ceux qui nous tiennent le plus à cœur. Il n'est, somme toute, qu'un des multiples aspects du vaste

dân-tộc ấy hiện bây giờ và về sau này sẽ biến-hóa ra làm sao.

Như xã-hội chúng tôi bây giờ có một cái vấn-đề hệ-trọng nhất, là vấn-đề làm thế nào cho được thích-hợp với sự sinh-hoạt đời nay mà thích-hợp về đường tinh-thần, thích-hợp với cái tinh-túy của văn-minh học-thuật, còn cần hơn là thích-hợp về đường vật-chất, thích-hợp với cái hình - thức, cái kỹ-thuật đời nay. Thích-hợp về đường vật-chất thì dễ, vì chẳng qua là theo cái trình-thức thường của sự mô - phỏng mà thôi; thích-hợp về đường tinh-thần thì phải am-hiểu, và phải biết tôn-trọng những cái phép-tắc thuộc về lễ tiến-hóa chung, phép-tắc ấy trong khi thực-hành người ta hay quên mà không nhớ đến. Nhưng mà nói làm sao cho thích-hợp, tức là nói cần phải giáo-dục. Nếu cái mục-dịch cứu-cánh của sự giáo-dục là gây nên cái nhân-cách thuần-túy và khiến cho nó phát-siễn được hoàn-toàn, không trái với cái hoàn-cảnh về xã-hội, về lịch-sử, vậy thì qui-quốc giáo-dục cho con em chúng tôi phải thế nào? Có nên làm cho người Việt-Nam mất giống di, hay là nên để cho giữ được những cái cảm-tình tư-trưởng đã gây ra cái quốc-túy của giống Việt-Nam? Vấn-đề ấy, kể học-thức trong nước chúng tôi đương lấy làm khó nghĩ lắm. Nhân bây giờ có người đương nghị-luận về cách nên tổ-chức bậc sơ-đẳng-giáo-dục thế nào, và có nên dùng chữ Pháp làm gốc sự giáo-dục ấy không, vấn-đề ấy lại càng thiết-thời lắm.

Hội chúng tôi mục-dịch là giúp mở-mang trí-thức, tăng-tiến đạo-dức trong quốc-dân, lấy vấn-đề giáo-dục ấy làm yếu-cần và khẩn-thiết lắm. Vấn-đề ấy chẳng qua cũng là một phương-diện của cái vấn-đề to-tát kia, là vấn-đề Đông-phương với Tây-phương gặp

problème de la rencontre de l'Occident et de l'Orient, qui, en dépit de Kipling, préoccupe à juste titre tous les grands esprits de l'ancien et du nouveau monde.

En souhaitant aujourd'hui la bienvenue dans ce cercle annamite à un des maîtres éminents de l'Université de France et à l'un des plus grands orientalistes d'Occident, pour qui le problème des rapports de l'Orient et de l'Occident n'a plus de secrets, je ne peux résister au désir de me faire l'interprète de tous mes collègues en sollicitant son avis éclairé sur cette question capitale de l'éducation des Annamites.

Nous empruntons à l'Avenir du Tonkin, (10 décembre 1922) le compte rendu de la conférence que M. SYLVAIN LÉVI a faite le jour de sa réception à l'A.F.I.M.A.

M. Sylvain Lévi, après avoir remercié de l'invitation faite à Mme Sylvain Lévi et à lui, des paroles trop élogieuses prononcées à son sujet, a montré d'abord la civilisation restreinte par nos prédécesseurs grecs et latins aux rives de la Méditerranée, se révélant aussi dans les Indes, en Extrême-Orient et débordant l'ancien continent, gagnant à l'Ouest l'Amérique en déplaçant son axe qui passera par le Pacifique. Il a montré le synchronisme de deux grands mouvements religieux, le christianisme à l'Ouest, le bouddhisme à l'Est.

Il a ensuite démontré que le mot, le verbe avait, dans chaque langue, des racines profondes dans la civilisation de chaque peuple, des liens qui le rattachaient aux autres mots, qu'il ne suffisait pas, comme on pourrait le

nghau ngày nay, các bậc đại-trí ở tân cựu thế-giới đương đề tâm nghiên-cứu, thật là trái với lời nói của ông Kipling vậy.

Tiên-sinh là một bậc danh-su bên Đại-Pháp, lại là một tay bác - học ở Tây - phương chuyên - trị về Đông-phương, bữa nay chúng tôi được nghênh-tiếp tiên-sinh ở nhà Hội-quán Việt - Nam này, tôi không thể đứng không thay lời các anh em trong hàng hội mà xin ngài cho biết ý-kiến sáng-suốt của ngài về cái vấn-đề quan-trọng sự giáo-dục người Việt-Nam đó.

Bữa Hội Khai-tri nghênh-tiếp quan Giáo SYLVAIN LÉVI, ngài có diễn-thuyết; báo Avenir du Tonkin số ngày 10 tháng 12 năm 1922 có kỹ-thuật bài diễn-thuyết ấy, nay mượn bài kỹ-thuật của báo Avenir lục đăng như sau này.

LÉVI tiên-sinh trước cảm ơn Hội đã mời Lévi phu-nhân và tiên-sinh, cảm ơn những lời quá khen tiên-sinh của ông Hội-trưởng vừa mới đọc, rồi ngài diễn-thuyết nói rằng các tiên-nhân Hi-lạp và La-mã cho giới-hạn văn-minh là ở trong bờ Địa-trung-hải, nhưng văn-minh cũng xuất-hiện ra ở Ấn-độ, ở Á-đông, và tràn ra ngoài cựu-thế-giới, lan sang phía Tây đến châu Mỹ, chuyên-dịch cái trung-tâm-diềm sau này sẽ qua Thái-bình-dương. Ngài chứng-giải rằng đồng-thời có hai cái luồng tôn-giáo lớn, ở Tây-phương có đạo Cơ-đốc, ở Đông-phương có đạo Phật.

Đoạn rồi, ngài giải rõ rằng phạm tiếng nói nước nào cũng vậy, mỗi một chữ là nó có cái rễ sâu trong văn-minh của nước ấy, nó có cái giây liên-lạc với các chữ khác, muốn biết một chữ nào không phải là cứ tìm

croire, de chercher dans un dictionnaire Franco-annamite ou Franco-anglais un mot pour y trouver son équivalent, car tel mot annamite éveille dans d'esprit annamite des concepts que le mot français ne contient pas et réciproquement. Il s'ensuit que pour parler et comprendre une langue étrangère sans psittacisme, il faut penser comme ceux dont c'est la langue maternelle, comprendre leurs pensées, connaître leur passé, leur civilisation.

L'éminent professeur, en se défendant d'avoir des données fermes en ce qui concerne l'enseignement avec le français pour véhicule en Indochine, a fait une sévère critique du même système appliqué par les Anglais dans l'Inde. Il nous a montré le *babou*, verbeux, beau parleur, exprimant en anglais des idées qu'il ne peut concevoir comme les Anglais, méprisant la civilisation dont il est sorti, enviant celle dans laquelle il est entré, odieux aux Anglais et à ses compatriotes. Il a montré ensuite comment l'Angleterre, en méprisant l'*hindi*, le *bengali* comme langues trop pauvres, a blessé le sentiment profond des Hindous qui, libres maintenant d'orienter les études comme bon leur semble, rejettent partout l'anglais pour en revenir à leurs langues maternelles.

Et, a-t-il ajouté, les langues de l'Inde sont parentes de celles d'Europe, leurs alphabets ont la même origine, représentent des sons, tandis que la langue chinoise, la langue annamite appartiennent au système linguistique le plus éloigné du système européen, les caractères représentant des idées

chữ ấy trong một quyển Pháp-Việt hay Pháp-Anh-tự-điền mà thấy chữ tương-dương, như người ta thường tưởng thế đâu, vì cái chữ Việt-Nam ở trong trí người Việt-Nam nó gọi ra những cái tư-tưởng mà chữ Pháp không có, hay là trái lại cũng thế. Như vậy thời muốn nói được, hiểu được một thứ tiếng ngoại - quốc cho đến nơi, không phải truyền-khẩu như con vẹt, thời phải tư-tưởng được như những người sinh-trưởng trong thứ tiếng ấy, phải hiểu được cái tư-tưởng người ta, biết rõ lịch-sử, văn-minh của người ta.

Tuy quan Giáo nói rằng ngài không dám phán-đoán về sự học ở Đông-dương lấy tiếng Pháp làm gốc, nhưng ngài hết sức công-kích cách dạy học của người Anh ở Ấn-độ cũng lấy tiếng mình làm gốc như thế; ngài tả cho ta biết hạng người ở Ấn-độ gọi là hạng *babu*, lém-luốc, nói khéo, dùng tiếng Anh mà nói những cái tư-tưởng tự mình không quan-niệm được như người Anh, khinh cái văn-minh tỏ của mình, ghen cái văn-minh của người mà mình muốn bắt-chước, đối với người Anh cũng khâm-ô, đối với người mình cũng đáng ghét. Ngài lại nói rằng vì người Anh khinh-bỉ những tiếng thổ-âm của Ấn-độ, như tiếng *hindi*, tiếng *bengali*, cho là nghèo quá, mà làm cho người Ấn-độ thâm-phẫn, bây giờ người ta được quyền tự-do muốn khuynh-hướng sự học về đường nào cũng được, thời đâu đâu cũng đều bãi-bỏ tiếng Anh mà quay về quốc-âm của mình.

Rồi ngài lại nói rằng: ấy là những tiếng của Ấn-độ còn tương-tự với tiếng Âu-châu, mẫu-tự cũng cùng một gốc với tiếng Âu-châu mà ra, cùng là thứ tiếng tiêu-âm cả, chứ tiếng lậu với tiếng An-Nam thời lại thuộc về cái dòng-dõi tiếng nói khác, là thứ tiếng biểu-ý, có thể không biết đến cái thanh-âm cũng

dont on peut abstraire le son. M. Sylvain Lévi ne conclut pas, en ce qui concerne l'Indochine, mais il est facile de se rendre compte que l'exemple de l'Inde lui a démontré, comme à tous ceux qui ont étudié la question, qu'on fait oeuvre néfaste en retranchant brusquement à un peuple sa langue, ses traditions, sa civilisation.

Dans son n° du 15 Décembre, l'Avenir a publié encore un second article intitulé : « Un témoignage et un témoin », commentant la conférence de M. SYLVAIN LÉVI. Cet article, excellemment écrit et pensé, résumant avec nuance et exactitude la leçon qui se dégageait de la causerie du savant professeur, nous ne pouvons résister au plaisir de le reproduire ci-après.

L'Indochine n'a pas souvent la chance d'accueillir des visiteurs aussi illustres que M. Sylvain Lévi et d'écouter un enseignement précieux. Il est peut-être bon de méditer la leçon qui se dégage des paroles prononcées l'autre jour au cercle de l'A.F.I.M.A.

Ne vais-je pas, dès le premier mot, trahir M. Sylvain Lévy? Avec cette modestie, cette réserve qui est le propre des véritables savants, le Professeur au Collège de France, dont l'opinion fait autorité dans le monde des orientalistes, dont la renommée est universelle, s'est défendu d'apporter un jugement définitif dans une question que, dit-il, il connaît imparfaitement. Toute sa vie s'est consacrée à l'enseignement. Les premières études, faites sous le maître vénéré qu'il a nommé avec émotion⁽¹⁾, ont été consa-

được. Lévi tiên-sinh không kết-luận thuộc về Đông-dương, nhưng mà ai cũng hiểu rằng cái gương của Ấn-độ đã chứng rõ cho ngài và cho cả những người đã từng nghiên-cứu vấn-đề ấy biết rằng phạm làm cho một dân-tộc bỗng đến mất tiếng nói, mất phong-lục và mất văn-minh của người ta đi là làm một sự ác-hại vậy.

Trong số ngày 15 tháng 12, báo Avenir lại đăng một bài thứ nhì nữa đề là : « Một lời chứng và một người chứng », bình-luận bài diễn-thuyết của Lévi tiên-sinh. Bài ấy văn hay mà ý cũng hay, tóm-tắt lại cái bài học ở trong bài diễn-thuyết của quan Giáo Lévi vừa tinh-tế và vừa đúng lắm, bản-chi không thể không vui lòng lục-đăng ra đây.

Đông-dương không được thường khi may-mắn đón-tiếp những khách sang như Lévi tiên-sinh, và nghe lời dạy qui-hóa. Vậy tưởng cũng nên ngẫm-nghĩ cái bài-học mà tiên-sinh đã giảng cho ta nghe ở hội-quán Hội Khai-trí bữa nọ.

Tôi chỉ e thuật lại đây, ngay tự câu đầu đã sai ý của tiên-sinh chẳng? Tiên-sinh làm giáo-học ở Pháp-quốc-đại-học-đường, tiên-sinh chuyên-trị về Đông-phương-học, mỗi cái ý-kiến của tiên-sinh là được những người chuyên-môn về khoa ấy trọng-phục, thanh-danh của tiên-sinh khắp thế-giới đâu cũng biết, vậy mà tiên-sinh có tính khiêm-nhượng cần-thận là cái đặc-tính của những nhà bác-học chân-chính, tiên-sinh nói rằng không dám quả-quyết phán-đoán về một cái vấn-đề mà tự mình chưa biết rõ. Tiên-sinh cả đời chuyên nghiệp dạy học. Hồi mới bắt đầu khảo-cứu là theo ông danh-sư BERGAIGNE, học về

(1) Abel Bergaigne.

crées aux civilisations cambodgienne et cham.

Il a voulu s'excuser d'avance s'il donnait involontairement à son exposé une tournure didactique. Mais tous ont compris la valeur exceptionnelle qu'allait avoir cet exposé, si enveloppé fût-il de doute philosophique. Quand M. Sylvain Lévi a répondu au Président du Cercle qui le pressait d'apporter le conseil d'une si haute autorité à ceux qui étudient de bonne foi et avec patriotisme le point capital que constitue dans la rencontre des civilisations occidentale et orientale, le problème de l'enseignement, — et qu'il a déclaré ne vouloir être qu'un témoin qui sent tous les devoirs que lui imposent l'étude, l'expérience et une profonde conviction, tout l'auditoire a senti le poids dont pèserait sur les décisions futures, ce qui allait être dit.

Et sur le mérite du témoin — même si l'on avait par impossible un instant oublié ses titres — on ne pouvait se méprendre. La vérité, la sincérité, l'intelligence sont des forces qui rayonnent. On peut ne pas vouloir être convaincu par elles. Mais même involontairement, même malgré soi, on les respecte.

Le maître est de taille moyenne. Les cheveux tout blancs auréolent le visage très brun; la physionomie est mobile; le front se plisse fréquemment dans l'effort d'une expression qui reste toujours simple et même familière. La voix faible et un peu voilée, est distincte et nette et s'entend bien. Avec une absence totale d'effet et de recherche oratoire, le savant s'impose dès qu'il parle, et ses auditeurs qui, à

văn-minh cổ Cao-miền và Chiêm-thành, nay bắc đến tên thầy cũ có ý cảm-dộng.

Tiên-sinh nói rằng nếu lời diễn-thuyết của tiên-sinh có ra dáng như một bài giảng học thời xin cũng miên-chấp trước. Nhưng mà ai cũng hiểu rằng lời diễn của ngài, đâu có cái đư-vị hoài-nghi của nhà triết-học, mà chắc là có một cái giá-trị đặc-biệt, không phải lời nói thường. Khi ngài trả lời cho ông Hội-trưởng khẩn-cầu ngài lấy cái địa-vị cao của nhà bác-học mà khuyên một lời cho những người thành-tâm yêu nước đương nghiên-cứu cái vấn-đề quan-trọng về giáo-dục là chỗ hai văn-hóa Đông Tây đương gặp-gỡ nhau, mà ngài nói rằng ngài chỉ xin làm một người làm chứng, biết rõ cái trách-nhiệm của mình bởi sự học-vấn, sự kính-lich và sự thành-tin mà ra, thời cử-ọa đều cảm-giác mà biết rằng những lời ngài sắp nói đây sẽ có ảnh-hưởng sâu-xa về những sự quyết-định sau này.

Đối với cái giá-trị của người làm chứng ấy, — hoặc vạn-nhất có kẻ nào quên không nhớ người ấy là người danh-giá thế nào, — thời lúc bấy giờ cũng không còn nghi-ngờ được nữa. Sự chân-lý, sự thành-thực, sự tri-thức là những cái sức mạnh nó ảnh-hưởng ra rõ-rệt lắm. Dù cố-ý không muốn chịu cho là phải cũng được, nhưng mà bất-đắc-dĩ cũng phải đem lòng kính-phục.

Tiên-sinh khổ người tầm-thước. Sắc mặt ngăm-ngăm, tóc trắng sóa, như cái hào-quang ở trên đầu. Dáng mặt lạnh-lẹ. Khi đương nói, trán thường rần lại, như cố tìm câu nói cho đúng, mà lời nói vẫn bình-thường giản-đị như câu chuyện thường. Tiếng nhỏ và hơi âm-âm, nhưng nghe phân-minh rõ-ràng lắm. Ngài nói tuyệt-nhiên không có chú-ý làm văn-chương hùng-biện gì, vậy mà cất tiếng nói là như có cái

mesure que la conférence se poursuit, ne sont pas tous des approbateurs, sont unanimement intéressés, passionnés. Le silence est profond, et quand après plus d'une heure la conférence prend fin, l'on voudrait reprocher au maître de n'avoir parlé que quelques minutes, et d'avoir à peine effleuré un sujet où il a tracé cependant de profondes perspectives.

Que dit ce « témoin », si modeste, qui tant de fois proteste avec une véritable émotion de son désir de ne froisser personne, de ne pas faire de la peine, de ne pas choquer des convictions respectables, qui a de sa propre opinion cette méfiance intime, signe évident du véritable savoir, disait le Sage antique? Le tragique exemple des Indes anglaises, le drame poignant, et inquiétant au début, auquel il vient d'assister, ont fortifié et éclairé encore des lumières de l'expérimentation, la conviction du « linguiste ». Le langage est un produit complexe de ces civilisations, que l'on a distinguées par des dénominations variables au cours des âges et qui lentement ont constitué cette chose mystérieuse, impénétrable, qui est le « mot ».

L'on se sent malheureusement impuissant à rendre exactement toutes les idées profondes émises devant l'auditoire émerveillé. J'ai noté une magnifique image où le langage d'un peuple est comparé à une forêt immense, dont les racines profondes et venant de loin s'enchevêtrent inextricablement

oai riêng, người ngồi nghe càng nghe càng thấy có hứng-vị, có cảm-kích, mà trong số người nghe ấy không phải là ai ai cũng đồng-y với ngài cả đâu. Lúc ấy im phăng-phắc, khi diễn-thuyết đã hơn một giờ rồi dừng lại, thời tưởng tiên-sinh nói mới có mấy phút thôi, mà lại muốn trách tiên-sinh sao nói ít như thế, và tuy tiên-sinh khám-phá cái vấn-đề kể cũng đã sâu-xa mà tựa-hồ như mới gọi là đã-động qua một chút mà thôi.

Tiên-sinh tự-xưng là « một người làm chứng », mà một người làm chứng khiêm-tốn vô-cùng, biết mấy lần tỏ cái ý một cách thật cảm-động rằng không muốn làm mất lòng ai, không muốn làm phiền, không muốn làm trái những cái ý-kiến đáng tôn-trọng của ai, chính tự mình đối với ý-kiến mình cũng vẫn riêng có ý ngờ, đó theo như lời cổ-triết chính là cái dấu-hiệu người bác-học chân-chính vậy. Vậy thời « người làm chứng » ấy nói những gì? Người làm chứng ấy vốn là một nhà « bác-ngữ-học », tự mình đã có cái lòng thành-tín riêng, mà lại mới được mục-kích cái thâm-kích đáng ghê-sợ ở đất Ấn-độ, khác nào như chứng-nghiệm cho cái lòng tin mình mà lại làm cho lòng tin ấy thêm: mạnh thêm rõ ra. Tin rằng phạm ngữ-ngôn là cái kết-quả phiền-phức của những văn-minh cổ kia, qua đời ấy sang đời khác người ta đặt cho những tên khác nhau mà gọi cho phân-biệt, mà dần dần nó tạo-thành ra cái vật rất u-âm, rất huyền-bí kia gọi là một chữ, một tiếng.

Không thể nào thuật lại cho đúng được hết những cái tư-tưởng thâm-trầm của tiên-sinh diễn ra cho các người ngồi nghe, người nào cũng lấy làm kinh-phục. Tôi có nhớ được một câu tỉ-dụ thật trang-nghiêm, là câu vi ngữ-ngôn một nước như một cái rừng rộng mênh-mang, rễ cây tự dưới đất sâu ở

avant de produire, après tant de siècles et tant d'essais, cette floraison merveilleuse des mots qui ont leur raison d'être, leur origine, aux plus lointaines sources de la pensée. C'est pourquoi malgré les dictionnaires, les mots sont irréductibles les uns aux autres ; c'est pourquoi il n'y a pas de véritable traduction des mots d'une langue dans une autre parce que les pensées, l'inconscient, les traditions d'un peuple qui ont abouti à ces mots, ne sont pas identiques à ceux d'un autre peuple. Et c'est pour cela, qu'il faut une culture complète, une connaissance entière de l'esprit d'une autre race pour en comprendre vraiment le langage, et en user sans malentendu. Et de ce principe, qu'il illustre des exemples que lui fournit sa connaissance du sanscrit, de l'exemple aussi du malentendu créé aux Indes par l'usage obligatoire d'une langue que les « Babus » ne comprennent qu'imparfaitement et dont ils usent sans en pénétrer le sens, de l'erreur des Anglais considérant comme négligeables et voulant supprimer des idiomes que parlent 80 millions d'êtres, il semble bien qu'un raisonnement par analogie se dégage. Si des résultats déplorables sont constatés, si des contre-sens graves sont commis à la suite de l'emploi imprudent et mal réglé par les Indiens, — d'origine Aryenne, comme les Européens, — d'une langue à laquelle le sanscrit a servi de base fondamentale, quels plus grands dangers ne présenterait pas une semblable ligne de conduite appliquée dans l'enseignement d'un peuple de langue, de culture, de tradition chinoises, les plus différentes de la langue, de la culture et de la tradition européennes ; dont l'écriture même est basée sur un principe entièrement différent de celui qui régit les notations écrites chez les peuples Occidentaux ? Avec la réserve et la mo-

đâu đầu lại, chẳng-chịt chi-chít với nhau, qua đời ấy sang đời khác, dần dần dà dà, mới sinh-hoa kết-quả ra, hoa quả đó là các chữ, các tiếng, cái gốc-tích, cái uyên-nguyên nó là ở tận trong nguồn sâu của sự tư-tưởng của người ta vậy. Bởi vậy nên tuy có tự-điền mà tiếng nước này không sao chuyển sang tiếng nước khác được ; bởi thế nên phạm dịch tiếng nước nọ sang tiếng nước kia là không khi nào dịch được thật đúng, vì rằng cái tư-tưởng, cái « tiēm-lực », cái tổ-truyền của một dân-tộc đã dần dần gây ra thứ tiếng ấy, không có giống với cái tư-tưởng, « tiēm-lực » và tổ-truyền của một dân-tộc khác được. Cũng bởi thế nên muốn hiểu được thấu cái tiếng nói của một nước và muốn dùng cho không sai lầm, thì phải có cái học-thức cho hoàn-bị và phải am-hiểu cái tinh-thần của nước ấy cho đảo-đề vậy. Tiên-sinh chứng-giải điều đó, lấy những câu thí-dụ ở trong tiếng phạn-ngữ là tiếng ngài đã thông-thạo lắm, lấy cái gương của chính-phủ Ấn-độ vì cưỡng-bắt người dân học tiếng Anh, mà sinh ra hạng người *Babu*, nói tiếng Anh mà không hiểu hết nghĩa tiếng Anh, sinh ra nhiều điều ngộ-nhận ; lại lấy cái lầm của người Anh khinh-bĩ những tiếng thô-ám của 80 triệu con người nói muốn làm cho tiêu-diệt đi ; nghe bấy nhiêu điều mà tựa-hồ như có thể bàng-chứng suy-loại ra đầu đầu cũng được. Người Ấn-độ cũng thuộc về giống Á-lợi-á như người Âu-châu, vì dùng bậy tiếng Anh là một thứ tiếng gốc ở chữ phạn ra mà đến kết-quả tai-hại như thế, thì nay vì cũng làm như thế để dạy một dân mà tiếng nói, văn-minh, và tổ-truyền tự Tàu ra, thật là khác hẳn với tiếng nói, văn-minh và tổ-truyền của Âu-châu, chữ viết của dân ấy cũng theo một cái nguyên-lý khác hẳn các cách viết của các nước Thái-Tây, như thế thì lại còn nguy-hiểm đến thế nào ? LẺVI tiên-sinh là

destie que j'ai déjà dites, M. Sylvain Lévi n'a pas conclu, mais l'on a pu deviner sa pensée. Si remarquables soient-elles, on peut ne pas partager toutes ses idées. Quelles que soient les méprises qui résultent de l'enseignement hâtif de l'anglais aux Indes, — quelles que soient les différences essentielles qui séparent les traditions et les racines du chinois de celles des langues latines, il est possible que les Français ici réussissent mieux que les Anglais dans leur effort colonisateur. Peut-être est-ce question de « manière », et qu'on me pardonne mon chauvinisme si je pense que la nôtre a une telle supériorité sur l'anglaise, qu'elle peut arriver à compenser toutes ces incompatibilités profondes qu'a si éloquemment décrites le Professeur au Collège de France. Au reste, son opinion n'a rien de l'absolu qu'on pourrait imaginer en le comprenant mal, et ce n'est pas cet apôtre de l'étude des langues, qui les a comprises plus qu'homme au monde, qui en déconseille l'étude et la compréhension. Mais il nous a signalé les difficultés de cette étude et les dangers d'une mauvaise compréhension. Pour que la langue d'un peuple étranger soit le véhicule qui diffuse sa mentalité, pour que la connaissance de cette langue fasse comprendre et aimer le peuple qui l'enseigne, il faut une méthode sûre, une conviction complète et prudente. N'est-ce pas affaire de tact, de procédés ? Dans le « Proche Orient » les gens cul-

người khiêm-tốn cần-thủ như trên kia tôi đã nói, ngài không kết-luận, nhưng mà đoán cũng biết cái ý nghĩ của ngài. Dù tư-tưởng ngài lỗi-lạc thật, cũng có thể không nhất-thiết đồng-ý ngài hẳn. Dầu người Anh truyền-bá tiếng Anh ở Ấn-độ cấp quá mà sinh ra nhiều điều lầm-lỗi mặc lòng, dầu gốc-tích chữ tàu với gốc-tích các thứ chữ la-tinh xa cách nhau thế nào mặc lòng, cũng có lẽ trong việc khai-hóa thuộc-địa, người Pháp ở xứ này có thể làm đắc-sách hơn người Anh ở Ấn-độ chăng ? Có lẽ rút lại chẳng qua là ở cái phương-pháp thi-hành mà thôi, — và tôi nói thế này có người cho tôi là thiên lòng ái-quốc, nhưng xin cũng miễn-chấp cho, — có lẽ cái phương-pháp của nước Pháp ta có phần thần-diệu hơn cái phương-pháp của nước Anh mà điều-hòa được hết những sự mâu-tuần như quan Giáo Đại-học ngài đã diễn-tả ra một cách hùng-hồn như thế chẳng ? Và chính cái ý-kiến của ngài không có gì là quá-quyết cả, chỉ ai hiểu lầm lời ngài nói mới nghĩ như thế ; ngài là người nhiệt-thành chuyên-trị về khoa học tiếng, và tiếng ngoại-quốc thời kể trên đời này cũng ít ai thâm-hiểu được như ngài, có lẽ nào ngài lại khuyên người ta không nên nghiên-cứu tiếng ngoại-quốc. Nhưng mà ngài chỉ rõ cho ta biết sự nghiên-cứu ấy khó-khẩn là dường nào, và học không đến nơi, không hiểu rõ thời nguy-hiểm là dường nào. Muốn cho tiếng một nước ngoại-quốc dùng làm cái khí-cụ để truyền-bá cái tinh-thần của nước ấy, muốn cho người học tiếng ấy am-hiểu và yêu-mến cái dân dạy mình học, thời phải có một cái phương-pháp chắc-chắn, một cái lòng thành-tin hoàn-toàn và cần-thận vậy. Đó chẳng là thuộc về cái thuật khôn-khéo, cái cách thi-hành dư ? Ở các nước Cận-động, phàm người học-thức đều có từng học

tivés parlent le français qu'ont su leur enseigner nos écoles. Le français y est l'apanage d'une élite intellectuelle. N'est-ce pas le rôle qu'il faudrait lui donner ici ? La langue française ne devrait-elle pas accompagner la haute culture ? N'est-ce pas la rabaisser que d'en faire le vil instrument utilitaire avec lequel « on gagne le riz » ?

On peut discuter là-dessus et M. Sylvain Lévi qui avec tant de bienveillance répondait l'autre jour à ceux qui après sa conférence venaient encore l'interroger, ne jetterait certes point l'anathème sur ceux qui lui exposeraient de telles vues. Si passionnantes soient-elles, ces questions doivent être traitées avec cette sérénité, ce désintéressement, cette tolérance dont ce grand savant donnait un tel exemple — qu'on voudrait voir imiter ailleurs, si on ne savait que le désintéressement est une parcelle du génie...

tiếng Pháp ở trường Pháp và nói được tiếng Pháp cả. Tiếng Pháp các nước ấy là cái văn-vẻ của hạng thượng-lưu tri-thức. Ở đây chẳng cũng nên cho nó một cái địa-vị như thế dư ? Chẳng nên lấy tiếng Pháp làm cái khí-cụ của sự cao-dẳng-học-thức dư ? Đề cho nó thành cái đồ dùng dẽ-tiền dẽ « kiếm gạo », chẳng là làm cho nó mất giá đi dư ?

Điều đó cũng có thể biện-bác được, và Lévi tiên-sinh bữa ấy sau khi diễn-thuyết rồi còn ân-cần trả lời những người đến hỏi ngài, hoặc có người bày cho ngài nghe những ý-kiến như thế, chắc ngài cũng không quở mắng nào. Những vấn-đề ấy tuy kích-thiết thật, nhưng phải bình-tĩnh, phải khoan-dung, phải lấy lòng vô-tư-kỷ mà xét, — cứ xem như gương nhà đại-bác-học đó thời đủ biết, gương ấy ta ước-ao cho ở đây có người biết bắt-chước, nhưng ta cũng phải biết rằng lòng vô-tư-kỷ đó chính là một cái đặc-sắc của kẻ đại-tài vậy...

Morceaux choisis français

Traduits en Annamite

Pháp-văn hợp-thái

(dịch ra quốc-âm)

Nhiều ông hán-học, không học qua chữ Pháp, đọc đến những thơ diễm nôm của ông LA FONTAINE thì lấy làm chúc-chắc khó nghe, lời-thôi lần-thần, không biết rằng văn-chương mỗi nước một khác, nhất là lời làm văn Pháp và lời làm văn Nam, cái khác nhau lại một vực một trời nữa. Văn nước Ta với văn nước Tàu thì chuộng những câu hoa-mĩ, những lời bóng-bẩy, đọc lên nghe hễ êm tai thích miệng là hay ; mà văn nước Pháp thì chuộng về sự thiết-thực mới mẻ, dùng những lời lẽ giản-dị mà tả hết được những tư-tưởng ngoắt-nghéo, những sự-vật kỳ dị là hay. Đọc câu văn ta lên, hễ thấy trơn-tru chải-chuốt mà kêu mà dòn là hay ; đọc câu văn Pháp lên, hễ tưởng-tượng được cái ý, cái cảnh phô-diễn ra như thật, thế là hay.

Hai lối văn khác nhau là thế, cho nên người Tây đọc đến văn ta thường kêu là nhạt-nhèo, mà người ta đọc đến văn tây thì cho là ngúc-ngoặc ; nhưng kỳ thực thì văn mỗi nước một khác. Ngay một nước ta, văn cũng chung một thể, nói cùng chung một tiếng mà người Nam người Bắc vẫn thường chê văn nhau, thì đủ biết lối làm văn không thể đem một ý-kiến mà bình-phâm cho dích-dáng được.

Bài thơ « Thầy Đồ Kiếp » mà ký-giả dịch ra lời « lục bát thất thất » đây là của quan cai-trị RENÉ CRAYSSAC, biệt-hiệu là Mặt-trăng-tiên-sinh. Ngài là một nhà văn-sĩ tây có tiếng ở bên ta bây giờ. Những văn ngài viết ra các báo tây vẫn lấy làm hoan-ngheh lắm ; mà bài thơ « Thầy Đồ Kiếp » này các danh-sĩ nước Pháp cũng đã cho làm đặc-thê và có ý-tử lắm.

Thơ làm theo thê tả-thực, vẽ một thầy đồ ngồi làm thơ, trên thì tả cách ăn mặc của thầy, thứ thì tả đến chỗ thầy ngồi, thứ nữa thì tả đến phòng thầy ở, thứ nữa thì tả cái phong-cảnh lúc mặt trời mới mọc ở chỗ nhà quê. Sau cùng thì tả đến cái bụng thầy nghĩ. Xin các độc-giả hãy tạm bỏ cái thiên-kiến của ta cứ cho văn tây là thật-thà chúc-chắc, mà trông-trọng xem đọc xong bài văn có phải hiền-nhiên như mắt đã trông thấy thầy Đồ, đội khăn lượt, đeo kính gọng vàng, mặc áo đoạn, ở trong một bức tranh không. Tiếc vì một nỗi ký-giả không phải là một tay có tài dịch, và dịch theo lối « lục-bát thất thất » này, tiếng An-Nam ta không có đủ đề diễn cho rõ cái ý-tử, cái tinh-thần của câu văn Pháp ra được, xin độc-giả chừ quân-tử lượng biết cho.

Dịch-giả chỉ

* * *

Kiếp le Lettré

(*Thơ Thầy Đồ Kiếp*)

Son beau turban de soie enroulé sur la tête
Avec un art savant, comme un gros serpent,
Revêtu de la robe mauve de satin,
Qu'il ne met sur son maigre corps qu'aux
jours de fête,

La lunette à monture d'or cerclant ses yeux,
Ses petits yeux bridés scintillant d'ironie,
Kiếp le lettré compose, en l'honneur des
génies,
Un poème fleuri, d'un pinceau précieux.

Sa main aux ongles longs et recourbés volette
Ainsi qu'un frêle papillon sur le papier ;
Il brode délicatement les déliés
Et les pleins, à petits coups brefs, de façon
nette.

Il est, selon l'usage, accroupi gravement,
Les pieds en croix, aux fraîcheurs lisses de
la natte
Que borde un fin tissu de couleur écarlate
Sur le bois dur et vernissé du lit de camp.

Epars, autour de lui, des coussins, la guitare
Qui, par les soirs de clair de lune veloutés,
Accompagne sa voix aux caprices heurtés.
Il grelotte, en frisson d'argent, dans l'ombre
noire.

Khăn lượt quấn trên đầu tày rế,
Phết nhà nho ra vẻ chững thay.
Thong-dong những lúc vui-vầy,
Đoạn huyền tô-diềm mình gầy vóc mai.

Kính gọng vàng quanh hai khóe mắt,
Đôi trắng xanh ra mặt chua đời.
Bút hoa ca tụng ơn trời,

Ấy thầy đồ Kiếp đương ngồi làm thơ.

Tay dài móng giò mưa vùng-vẫy,
Trên tờ hoa như thầy bướm bay.
Vạch ra nét bút tinh thay,
« Lan-dình » cỡ-thiếp đã hay hơn nào !

Ngồi ra kiêu thanh-cao chễm-chệ.
Xếp bằng tròn trên ghế ngựa sơn.

Chiếu hoa cói nhỏ mát dờn,
Vải điều chói-lọi cặp viền chung quanh.

Chăn cùng gối bên mình bừa bộn.
Thèm nguyệt-cầm là bạn canh-thăm,
Tiếng đàn sen lẫn giọng ngâm,
Trắng thanh khiên-húng bóng âm tiêu-sầu.

La pipe à bout de jade et le plateau noané,
La boîte où, réconfort divin des pauvres âmes,
Le suc brun des pavots a figé son dictame
Et la lampe fidèle au sourire discret.

Sur l'autel familial, plus loin, parmi la brume
Violette que font les batonnets d'encens,
De lourds brule-parfums aux reflets languissants,
Attestent la fierté du grand culte posthume.

Soie et or, des panneaux chantent, le long
des murs
L'artiste merveilleux qui, sur le satin frêle,
Filigrana de clairs rideaux, de bambous frêles,
Des dragons monstrueux, des oiseaux d'azur,

Débonnaire, nimbé de rêve et de silence,
Un bouddha trône sur la pacifique fleur
De lotus, symbole de paix et de douceur,
Et répand dans la chambre un parfum d'indulgence.

Kiếp, le lettré, Kiệp, le poète, est matinal.
Par la fenêtre ouverte aux splendeurs de
l'aurore,
Il regarde, à présent, le ciel rose que dore
Un gai soleil ouaté de brouillard virginal.

Un murmure confus s'élève des villages
Où l'éveil des « Cái nhà » s'étire lentement.
Aréquiers et bambous balancent, sous le vent,
Les détails délicats et flous de leurs feuillages.

Kiếp reprend son travail, alerte, le pinceau
Fignole, en noirs zig zags, de joyeux caractères
Évoquant les petits dessins que, sur la terre,
Tracent les pattes minuscules des oiseaux.

Caresse intermittente et légère, la brise
Roule et déroule des écharpes de fraîcheur,
Sous un baiser furtif, à son contact frôleur,
Les panneaux de satin frissonnent, par reprises-

Le pinceau court, semant sur la page, à foison
Les signes de bonheur, richesse, longue vie,
Et Kiệp sourit, son âme enfantine est ravie,
Son bonheur est total. Il en sait la raison.

Chiếc dọc tàu bên đầu dát ngọc,
Khay xà-cừ lại cóng « Bé-na »
Tiêu-đao trong thú yên-hà,
Ngọn đèn tri-kỷ như hoa mỉm cười.

Ngay bên cạnh khám ngai bát-ngát,
Mùi khói-nhang ngào-ngạt mịt-mù.
Sáng choang những đỉnh cùc lư,
Tổ lòng thành-kính phụng thờ tiên-linh.

Đây tường những bức hoành câu đối,
Một nhà trưng đồ chói vóc vàng.
Khéo thay tay thợ diềm trang:
Rồng, chim, trúc hóa, lá màn xinh-xinh.

Một pho tượng quanh mình sắc-tướng,
Trên tòa sen vô-lượng bồ-đề,
Một mẫu thanh-tĩnh từ-bi,
Văn-phòng phảng-phất liên-tri như-lai.

Thầy đồ Kiệp tính hay dậy sớm,
Ngoài thư-song vừa sáng rạng đông.

Trông vời trời đỏ mênh-mông,
Sương mù tre kín mít vàng thái-dương.

Tiếng ồn ào xóm phường đầu đấy,
Mọi nhà như trở dậy từ-từ,
Nào là cau nào là tre,
Gió ào-ào thổi, cây lư-đừ lay.

Cao-hứng Kiệp lấy ngay nghiên bút,
Gió mây bay một phút thành thiên.

Đọc ngang nét nét thiên-nhiên,
Khác nào lá trúc chân chim in cầu.

Hây-hây thổi, gió đầu mát-mẻ,
Trước hiu-hiu sau nhẹ-nhẹ sang.
Đưa lên đưa xuống từng cơn,
Bức hoành câu đối chộp-chờn dung-giao.

Ngọn bút vẫn « thao thao » trên giấy,
Nghĩa Tam-đa ngụ bấy nhiêu bài.
Cười thầm trong bụng trắng-hoài,
Phúc nhà trọn vẹn, lâu dài, thầy hay.

s hier, — soyez bénis, puissants génies! —
 Depuis hier il est père d'un garçon
 Qui, plus tard, sera chef du culte en la maison
 — Esprit d'en haut, à vous louanges infinies! —

Gardien de ce dépôt sacré : le souvenir,
 Il en entretiendra la flamme toujours vive.
 Il sera le chaînon nécessaire qui rive
 Les vivants au passé, les morts à l'avenir.

Il sera le premier, le maître, le grand prêtre
 Chargé du soin pieux des gestes rituels.
 Au jour d'anniversaire, il fera, sur l'autel,
 Brûler l'encens, à la mémoire des ancêtres.

Il aura des enfants, à son tour ; de ceux-ci
 Naîtront autres enfants jusqu'à la fin des âges
 Se transmettant, ainsi que l'ont prescrit les
 sages,
 De main en main, la flamme auguste de la vie.

Kiếp, le lettré, sourit en songeant à ces choses
 Et, par instants, l'on voit briller ses petits
 yeux

Fleuris de rêves d'or et de reflets joyeux
 Pareils à ceux d'un vol d'ibis aux ailes roses.

Mais il a terminé son poème ; à présent
 Il contemple l'orgueil triomphal de la plaine.
 D'extase et de beauté son âme douce est pleine
 Il se grise des feux de l'astre éblouissant.

Les rizières, le ciel et les ondes, — raquettes
 De nacre, de saphir ou d'émeraude, — ont l'air,
 Prenant comme volants les oiseaux au vol
 clair,
 D'échanger des martins-pêcheurs et des ai-
 grettes.

Cornes plates, ventre massif, muffle baveux,
 L'œil hébété, les flancs tout ruisselants de
 vase,
 A pas pesants, les gros buffles aux tons
 d'ardoise

Nhờ bách-linh bấy nay phủ-hộ,
 Thấy hôm qua mới có con trai.

Rồi ra thừa-tự lâu dài,
 Ơn trên nào biết lấy lời nào ơn !

Trai là kẻ giữ gìn dòng-dõi,
 Cho lửa-hương chói-lói muôn đời.
 Nói giã dòng-dõi lâu dài,
 Nói người tiên-cò với người hậu-sinh.

Nào những việc gia-đình thờ cúng,
 Cũng chủ-trương thờ phụng mọi bề.
 Nào ngày giỗ tết hội-hè,
 Đền nhang cúng vái phụng thờ ông cha.

Con ấy lại sinh ra con khác,
 Con khác sinh cháu chắt vô-cùng.
 Chuyên tay nhau nối lấy dòng,

Ấy là đạo thánh dạy chung loài người.

Những chuyện đó thầy ngồi ngẫm nghĩ,
 Miệng cười hoa ra ý bằng lòng.

Mặt trông sáng-sủa vui mừng,
 Nhác trông những tướng cánh hồng chim
 bay.

Thơ vừa nghĩ xong ngay lúc đó,
 Thấy nhìn quanh hoa cỏ cánh đồng.
 Xinh thay nghìn tia muôn hồng,
 Bóng tà-dương dải tấm lòng thanh-thoi.

Kìa ruộng đất, kìa trời, kìa nước,
 Tựa bàn cầu xanh ngắt mọi màu.
 Cò hương bóí cá đua nhau,

Xa bay trông tựa quả cầu đưng tung.

Kìa đàn trâu da hung hung sấm,
 Mắt lừ-dừ sừng phẳng bụng kền.

Bọt đầy mép bùn đầy lưng,

Trainent l'éclair du soc dans les sillons berbeux

Une rumeur laborieuse et bourdonnante
Monte des champs où tremble encore un peu
d'aiguail :

C'est l'hymne saint, c'est le cantique du travail
Saluant de *Mặt trời* la gloire grandissante.

Et Kiệp rend grâces à la sagesse du Très Haut
Qui tire, chaque jour, de la nuit chaotique
La clarté fécondante aux splendeurs prismatiques

Et soude entre eux les jours ainsi que les
anneaux.

Le jour succède au jour comme l'enfant à
l'homme.

Le culte des soleils éteints ne meurt jamais
Religieusement, les flambeaux rallumés
Illuminent le chœur pérennel des atomes.

Kiếp admire ce parallèle harmonieux,
Ce mystique lien des êtres et des choses,
Proclamé par les lois de la métempsycose
Qu'édicte, dans les temps des temps, le roi
des dieux.

Depuis hier, — soyez bénis, puissants génies! —
Depuis hier, il est père d'un garçon
Qui, plus tard sera chef du culte en la maison, —
Esprits d'un haut, à vous louanges infinies! —

Et gloire à toi, peuple d'Annam, gloire et
honneur

Pour l'amour filial, fervent, immarcessible
Que tu gardes aux morts, ces vivants invisibles
Dont tu prolonges dans la tombe, le bonheur!

Honneur et gloire, tes maximes fraternelles,
Tes rites de piété, de douceur et d'amour,
Au long des siècles à venir, sauront toujours
Joindre les anneaux d'or de la chaîne éternelle.

RENÉ CRAYSSAC

Administrateur des Services Civils à Nam-dinh

Vai cày lưỡng cỏ, chân nưng nặng-nề.

Kìa đồng áng srong bay lã-chã,
Tiếng ồn-ào gióng-giã tung bùng,

Giọng ca câu hát vang-lừng,
Mặt trời vira mọc vui mừng xiết bao.

Gớm thợ tạo nghĩ sao khôn khéo,
Đương tối đêm mà kéo được ngày.
Qua ngày ấy đến đêm này,

Như giấy súc-sích gắn ngày với đêm.

Ngày ấy lại nối thêm ngày khác,

Cũng như người già thác trẻ lên.

Mặt trời thế thế bèn bèn,
Lặn rồi lại mọc chiếu miền trần-gian.

So sánh thế thầy lan-man nghĩ :
Bi-mật thay cái chỉ liên-hoàn,
Chẳng qua là lẽ tuần-hoàn,
Đã từ thượng cồ thiên-hoàng định ngay.

Nhờ bách-linh bấy nay phù-hộ,
Thấy hôm qua mới có con trai.
Rồi ra thừa-tự lâu dài,
Ơn trên nào biết lấy lời nào ơn !

Vẽ-vang thay hỏi dân Cồ-Việt !

Lòng hiếu kia mãi-miết bao mòn ?
Với người chết cũng như còn,
Tấm thương thấu đến suốt, vàng xa xa.

Vẽ-vang thay câu ca đường-lệ,
Mà tình-tình hiếu-đễ hòa hai.
Kết giây giàng buộc muôn đời,
Giấy vàng tiếp nối cho dài nghìn thu.

Trọng-khiêm NGUYỄN VĂN-ÍCH dịch
Thông-phán Toà Sứ Nam-dinh